TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 711/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2025
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Gái

2. Bà Nguyễn Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Trí – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Văn Thị Mận - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/9/2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 769/2025/TLST-HNGĐ ngày 31/03/2025 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1053/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2245/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Băng D, sinh năm 1982, CCCD số 079182012655 cấp ngày 26/12/2021.

Thường trú: 293 Võ Văn Ngân, phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: 140/58A Cầu Xây 2, phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà D có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Anh T, sinh năm 1982, CCCD số 079081020438 cấp ngày 10/8/2021.

Địa chỉ: 95 Lò Lu, khu phố 2, phường Long Phước, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ông T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện (Đơn xin ly hôn) đề ngày 28/03/2025, Bản tự khai, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên

bản không tiến hành hòa giải được, bà Nguyễn Thị Băng D là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Băng D và ông Trần Anh T lấy nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2021 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2021, đăng ký ngày 05/01/2021 do Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức (nay là phường Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Quá trình chung sống vợ chồng vui vẻ hạnh phúc được khoảng 06 tháng. Sau đó, ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn gay gắt vì ông T không chịu tìm kiếm việc làm ổn định, cũng như hoàn toàn không có trách nhiệm với gia đình, không có trách nhiệm với con cái. Đến tháng 5/2022, ông bà sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà D được ly hôn với ông Trần Anh T.

+ Về con chung: Bà Nguyễn Thị Băng D và ông Trần Anh T có 01 (một) con chung tên Trần Anh K, giới tính nam, sinh ngày 16/01/2022. Bà Nguyễn Thị Băng D yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Không có.

- Bị đơn là ông Trần Anh T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lên Tòa để trình bày ý kiến, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không đến, cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Băng D có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn là ông Trần Anh T vắng mặt không có lý do, không có văn bản thể hiện ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho bà D được ly hôn với ông T và giao 01 con chung tên Trần Anh K, sinh ngày 16/01/2022 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, không buộc ông Trần Anh T cấp dưỡng nuôi con, không xem xét giải quyết tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà D có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T. Đây là tranh chấp về ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo kết quả xác minh của Công an phường Long Phước, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Tuấn có địa chỉ cư trú tại số 95 Lò Lu, khu phố 2, phường Long Phước, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2021, đăng ký ngày 05/01/2021 do Ủy ban nhân dân phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức (nay là phường Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì hôn nhân giữa bà D và ông T là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do; bà D có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 175, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà D.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về hôn nhân:

Bà D có yêu cầu ly hôn với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bà D trình bày cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông T có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T không chịu tìm việc làm ổn định, cũng như không có trách nhiệm với gia đình và con cái. Hai ông bà đã sống ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay. Theo kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức (nay là phường Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh ghi nhận không rõ về mâu thuẫn gia đình của vợ chồng bà D, ông T.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa để trình bày ý kiến, tham gia phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông T không đến, cũng không có ý kiến gì gửi cho T1, chứng tỏ ông T thiếu thiện chí trong việc mong muốn giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng của bà D và ông T không hạnh phúc, không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D.

[3.2] Về con chung: Bà D và ông T có 01 con chung là Trần Anh K, giới tính nam, sinh ngày 16/01/2022. Bà Nguyễn Thị Băng D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông T không có yêu cầu được nuôi dưỡng con trẻ trong quá trình giải quyết vụ án. Trẻ Trần Anh K hiện đang được bà D trực tiếp nuôi dưỡng, bé tuổi còn nhỏ nên cần thiết có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Do

đó, việc giao con chung nêu trên cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết và đảm bảo sự phát triển ổn định của các trẻ về thể chất cũng như tinh thần, tính cách, nhân cách của các trẻ.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Bà D khai không có, ông T vắng mặt không có ý kiến hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Trường hợp đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu ly hôn của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì nguyên đơn là bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được cấn trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội (kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án),

Tuyên xử:

1. *Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Băng D:*

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Băng D được ly hôn với ông Trần Anh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 02, đăng ký ngày 05/01/2021 do Ủy ban nhân dân phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức (nay là phường Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Trần Anh T và bà Nguyễn Thị Băng D hết giá trị pháp lý từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao 01 (một) con chung tên Trần Anh K, giới tính nam, sinh ngày 16/01/2022 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng; bà D không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Bà D và gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà D khai nhận không có. Trường hợp ông T có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác;

2. *Về án phí:*

Bà Nguyễn Thị Băng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng, được cấn trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng mà bà D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0073907 ngày 31/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án Dân sự Khu vực 2 thành phố Hồ Chí Minh). Bà D không phải nộp thêm án phí.

3. *Quyền kháng cáo:*

Các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

Phạm Minh Vương

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 2 TP.HCM;
- Chi cục THADS Khu vực 2 TPHCM;
- TAND Khu vực 2 TP.HCM;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Vương